

Số: 35 /2015/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 29 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mức nộp khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 1428/TTr-SNN ngày 09 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định mức nộp khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, thời điểm áp dụng kể từ ngày 01/7/2015.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ TP, NN&PTNT, TN&MT (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCTUBND tỉnh;
- MTTQ và các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- Các ban của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NN.TN, KTTH, PVPTN, CVP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Thành

QUY ĐỊNH

Mức nộp khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 35 /2015/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về mức nộp khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 5, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ.

Đất chuyên trồng lúa nước là đất trồng được hai vụ lúa nước trở lên trong năm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến quản lý, sử dụng đất trồng lúa (gọi tắt là Nhà đầu tư), được Nhà nước giao, cho thuê đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

Điều 3. Phương pháp xác định mức nộp khoản tiền khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp

1. Nhà đầu tư được nhà nước giao đất, cho thuê đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp phải thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai và phải nộp một khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (ngoài khoản tiền thuê đất hoặc tiền sử dụng đất đã nộp vào NSNN).

2. Mức nộp khoản tiền được tính bằng 50% số tiền được xác định theo diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải chuyển sang đất phi nông nghiệp nhân (x) với giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất.

3. Đối với các dự án được phép chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trong 5 năm (2015-2019) được tính theo Bảng giá quy định tại Quyết định số 552/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 05 năm (2015-2019). Cụ thể:

3.1. Đối với đất chuyên trồng lúa nước nằm trong các tuyến đê sông (bao gồm cả đê bổi) mức nộp khoản tiền được tính như sau:

Mức nộp khoản tiền = Diện tích đất chuyên trồng lúa nước x 70.000 đ/m² x 50%.

3.2. Đối với đất chuyên trồng lúa nằm nước ngoài các tuyến đê sông (bao gồm cả đê bồi) mức nộp khoản tiền được tính như sau:

Mức nộp khoản tiền = Diện tích đất chuyên trồng lúa nước x 50.000 đ/m² x 50%.

Điều 4. Trách nhiệm của người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước

1. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai đối với điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và phải nộp một khoản tiền theo quy định tại Điều 3 Quy định này;

2. Lập bản kê khai số tiền phải nộp, tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước được Nhà nước giao, cho thuê và nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định.

3. Áp dụng các biện pháp phòng, chống ô nhiễm, thoái hóa môi trường đất, nước, không làm ảnh hưởng tới sản xuất lúa của khu vực liền kề. Trường hợp gây ảnh hưởng xấu phải có biện pháp khắc phục kịp thời và phải bồi thường thiệt hại.

Điều 5. Quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ

Hằng năm, căn cứ số kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa do người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp nộp vào ngân sách, UBND tỉnh phân bổ để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa gồm:

1. Xây dựng quy hoạch, lập bản đồ các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; công bố công khai để thực hiện.

2. Phân tích chất lượng hóa, lý tính của các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao định kỳ 10 năm để sử dụng hiệu quả và có biện pháp cải tạo phù hợp.

3. Cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại: Tăng độ dày của tầng canh tác; tôn cao đất trồng lúa trũng, thấp; tăng độ bằng phẳng mặt ruộng; bón phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, bón vôi; thau chua, rửa mặn đối với đất bị nhiễm phèn, mặn và các biện pháp cải tạo đất khác.

4. Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa.

5. Khai hoang, phục hóa, cải tạo đất và bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển đổi mục đích sử dụng theo phương án được duyệt.

6. Hỗ trợ trực tiếp cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt phương án tổng thể của địa phương về khai hoang, phục hóa, cải tạo đất và bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển đổi mục đích sử dụng.

- Hướng dẫn xây dựng các phương án khai hoang, phục hóa, cải tạo đất và bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển đổi mục đích sử dụng.

- Hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả khai hoang, phục hóa, cải tạo đất và bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất do chuyển đổi mục đích sử dụng.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất chuyên trồng lúa nước của các Sở, ngành và của các huyện, thị xã, thành phố; dự kiến phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất chuyên trồng lúa nước cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó xác định rõ nhu cầu sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước, diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển mục đích sử dụng.

- Hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố xác định cụ thể diện tích, ranh giới đất chuyên trồng lúa nước ngoài thực địa, lập bản đồ đất trồng lúa.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định mức nộp khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trước khi trình UBND tỉnh ra quyết định thu hồi đất cho nhà đầu tư.

- Hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa, đặc biệt đất chuyên trồng lúa nước trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành có liên quan thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn việc nộp, quản lý, phân bổ và sử dụng nguồn thu theo quy định tại Điều 3, Điều 5 của Quy định này và các văn bản khác có liên quan.

4. UBND các huyện, thị xã và thành phố

- Tổ chức công bố công khai và quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa của địa phương đã được xét duyệt; xác định ranh giới diện tích đất trồng lúa, đặc biệt đất chuyên trồng lúa nước cân bảo vệ nghiêm ngặt.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về việc bảo vệ diện tích, chỉ giới, chất lượng đất trồng lúa theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được phê duyệt.

- Hàng năm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa của địa phương.

- Chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp với UBND cấp xã tổ chức cắm mốc xác định ranh giới diện tích đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ sau khi quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã được duyệt.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung liên quan được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Các nhà đầu tư phải nộp khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp đối với các dự án giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định kể từ ngày 01/7/2015.

3. Các cấp, các ngành, các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các ngành, các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Thành